

KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
+84 2439724568
Research@vndirect.com.vn
vndirect.com.vn

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.830,5	252,8	126,9
1 ngày (%)	-0,7	2,2	0,3
1 tháng (%)	5,8	0,9	6,4
Từ 2026	2,6	1,6	4,9
1 Năm (%)	44,7	13,4	34,6
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	8.570	393	681
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,0	2,0	0,7
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

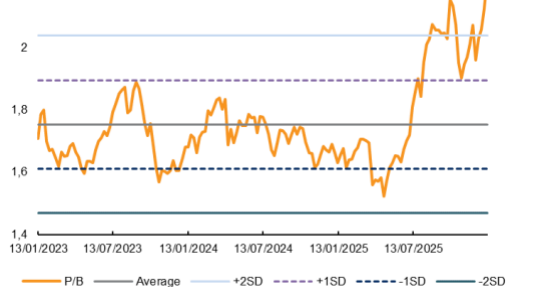
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

Sắc đỏ lan tỏa, VN-Index chạm ngưỡng 1.830 điểm

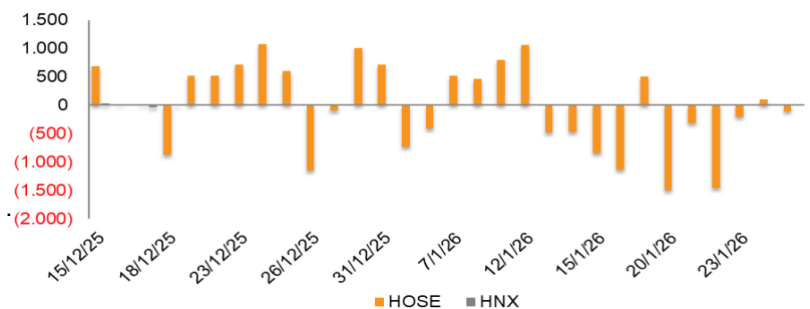
Phiên giao dịch ngày 27/01 diễn ra với trạng thái phân hóa rõ rệt khi áp lực chốt lời vẫn hiện diện nhưng không lan rộng như phiên trước đó. Kết thúc phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.830,50 điểm, giảm 13,22 điểm (-0,72%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực khi ghi nhận 139 cổ phiếu tăng trong khi có tới 170 cổ phiếu giảm điểm, phản ánh tâm lý thận trọng và xu hướng chốt lời của nhà đầu tư trong bối cảnh thiếu động lực tăng trưởng.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.020,35 điểm, giảm 11,93 điểm (-0,59%); nhóm VN30 ghi nhận sự phân hóa khi có 14 cổ phiếu tăng và 12 cổ phiếu giảm, cho thấy áp lực chốt lời tập trung ở một số mã vốn hóa lớn trong khi một số mã khác vẫn thu hút được dòng tiền. Xét về nhóm ngành, phiên hôm nay ghi nhận dòng tiền duy trì ở các nhóm như Dầu khí (+3,66%), Công nghệ (+2,53%) và Viễn thông (+2,04%). Ngược lại, các ngành chịu áp lực bán gồm: Xây dựng & Vật liệu (-12,63%), Bất động sản (-6,25%), Du lịch & Giải trí (-6,46%) và Hàng hóa và dịch vụ công nghiệp (-6,74%).

Thanh khoản khớp lệnh trên sàn HOSE đạt 24.109 tỷ đồng, giảm 17.78% so với phiên trước và thấp hơn ngưỡng trung bình của 20 phiên gần nhất; điều này cho thấy bên cung tuy đã yếu đi so với phiên trước đó nhưng vẫn chủ động chốt lời trong khi lực cầu bắt đáy vẫn chưa đủ mạnh để hỗ trợ chỉ số hồi phục. Xu hướng trong ngắn hạn của VN-Index vẫn tiềm ẩn rủi ro điều chỉnh. Tuy nhiên, nhịp điều chỉnh nếu xảy ra sẽ tạo ra cơ hội đầu tư cổ phiếu với vùng mua hấp dẫn. Trong bối cảnh này, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư cân nhắc chờ đợi cơ hội mua khi thị trường có lực cầu quay trở lại. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao: 1) Giữ lại phần danh mục chất lượng có nền tảng lợi nhuận tốt và vị thế tài chính lành mạnh để tận dụng nhịp hồi kỹ thuật. 2) Không mua đuổi trong phiên phục hồi yếu ớt; chỉ xem xét mua lại khi thị trường điều chỉnh rõ rệt và có dấu hiệu ổn định quanh vùng hỗ trợ đã xác định. Đối với nhà đầu tư nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: 1) Ưu tiên mua trong nhịp điều chỉnh để giảm rủi ro thời điểm; chia nhỏ lệnh mua theo từng nhịp giảm để trung bình giá vào danh mục. 2) Tập trung chọn cổ phiếu cơ bản: doanh nghiệp có lợi nhuận ổn định, dòng tiền kinh doanh tốt và thanh khoản tương đối; tránh mua vào các cổ phiếu có thông tin cơ bản yếu hoặc thanh khoản rất thấp.

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,7	178,7	4,2	0,0	1,8	-0,1	25,3	-1,4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,4	26,4	3,1	-0,4	4,0	3,5	13,7	8,9
Năng lượng	2,5	39,2	2,2	4,6	42,9	43,7	56,7	-5,9
Tài chính	40,0	12,3	1,9	0,3	10,8	9,5	34,3	-14,0
Chăm sóc sức khỏe	0,5	27,8	2,7	0,3	5,7	3,6	11,0	57,4
Công nghiệp	7,4	36,1	5,0	-0,3	-3,7	-4,7	88,2	9,2
Công nghệ thông tin	2,3	19,6	4,5	3,4	10,5	7,0	-20,5	-8,4
Vật liệu xây dựng	6,0	17,8	1,9	1,3	18,6	17,1	20,2	-21,8
Bất động sản	23,8	87,0	5,5	-5,0	-2,1	-9,8	422,0	146,1
Dịch vụ tiện ích	5,0	21,7	3,4	4,7	44,1	40,8	54,7	3,0

Mua/(bán) ròng khối ngoại (tỷ VND)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Mỹ: Báo cáo dự báo 2026 cho thấy triển vọng tăng trưởng tích cực. Các tổ chức tài chính lớn trong các báo cáo triển vọng mới nhất cho rằng kinh tế Mỹ năm 2026 nhiều khả năng duy trì tăng trưởng ổn định, với mức tăng được đánh giá “trên tiềm năng trung bình” và cải thiện so với năm 2025. Động lực tăng trưởng chính đến từ: Đầu tư doanh nghiệp tiếp tục mở rộng, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ, hạ tầng và tự động hóa. Tiêu dùng nội địa duy trì nền tảng vững chắc nhờ thị trường lao động ổn định và thu nhập thực cải thiện. Công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng vai trò then chốt trong nâng cao năng suất dài hạn.

Tin vĩ mô trong nước

- Doanh nghiệp mới và xuất khẩu khởi sắc đầu năm, tỷ giá ổn định. Trong tháng 1/2026, Việt Nam ghi nhận 17,2 nghìn doanh nghiệp thành lập mới, tăng 13,9% so với tháng trước và 71,6% so với cùng kỳ, cho thấy niềm tin kinh doanh cải thiện rõ rệt ngay từ đầu năm. Cùng với đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 44,03 tỷ USD, phản ánh động lực tăng trưởng tích cực của khu vực sản xuất – thương mại, đặc biệt trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu đang dần ổn định. Về điều hành tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tỷ giá trung tâm ở mức 25.098 VND/USD, cho thấy chính sách điều hành tỷ giá tiếp tục theo hướng ổn định, hỗ trợ kiểm soát lạm phát và cân đối vĩ mô.
- Thủ tướng chỉ đạo hoàn thiện đề xuất sàn giao dịch vàng quốc gia. Ông Phạm Minh Chính đã chỉ đạo các bộ, ngành liên quan khẩn trương hoàn thiện đề xuất thành lập sàn giao dịch vàng quốc gia, nhằm ổn định thị trường vàng, tăng tính minh bạch trong hình thành giá và củng cố các cân đối lớn của nền kinh tế vĩ mô. Theo chỉ đạo, việc xây dựng sàn giao dịch vàng tập trung được kỳ vọng sẽ giúp chuẩn hóa hoạt động mua bán, hạn chế tình trạng đầu cơ, chênh lệch giá trong nước – thế giới, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý thị trường vàng trong bối cảnh nhu cầu nắm giữ tài sản an toàn gia tăng.
- Chính phủ nhấn mạnh phối hợp chính sách tiền tệ – tài khóa. Chính phủ tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tiền tệ và tài khóa, coi đây là trụ cột trong điều hành kinh tế vĩ mô nhằm kiểm soát lạm phát, ổn định các cân đối lớn và hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Tin ngành và doanh nghiệp

- ACV – Cập nhật tiến độ và chỉ đạo mới nhất tại Sân bay Long Thành:** Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam (ACV) đang bước vào giai đoạn then chốt khi các hạng mục của Sân bay Long Thành giai đoạn 1 tiến gần hoàn thiện, với mục tiêu khai thác thương mại từ tháng 6/2026. Chỉ đạo từ Bộ Xây dựng: ưu tiên công tác chuẩn bị vận hành, đảm bảo an toàn – hiệu quả – dịch vụ chất lượng cao ngay khi sân bay đi vào khai thác; nghiên cứu mô hình vận hành song song hai sân bay quốc tế (như Nhật Bản, Hàn Quốc) để áp dụng cho Long Thành – Tân Sơn Nhất. Phân chia lưu lượng bay:
- MBS – Hoàn tất phát hành gần 8,6 triệu cổ phiếu ESOP, tăng vốn điều lệ lên hơn 6.673 tỷ đồng:** Chứng khoán MB vừa công bố hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP dành cho người lao động. Kết thúc ngày 22/1/2026, công ty đã phân phối gần 8,6 triệu cổ phiếu ESOP cho 309 nhân viên, với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu, thu về xấp xỉ 86 tỷ đồng. Theo kế hoạch, cổ phiếu ESOP bị hạn chế chuyển nhượng: 50% được giải tỏa sau 3 năm và 50% còn lại sau 5 năm. Số tiền huy động từ đợt phát hành sẽ được bổ sung nguồn vốn cho hoạt động cho vay ký quỹ (margin). Sau đợt phát hành, vốn điều lệ của MBS tăng từ hơn 6.587 tỷ đồng lên trên 6.673 tỷ đồng, củng cố nền tảng vốn phục vụ tăng trưởng kinh doanh.
- SSI – Hoàn tất chào bán hơn 415 triệu cổ phiếu, tăng vốn lên gần 25.000 tỷ đồng; lãi quý IV/2025 gấp đôi:** Năm 2025, CTCP Chứng khoán SSI (SSI) đã hoàn tất chào bán gần 415,2 triệu cổ phiếu, qua đó nâng vốn điều lệ lên gần 24.931 tỷ đồng (khoảng 947 triệu USD). Đợt phát hành mang về 6.228 tỷ đồng (khoảng 237 triệu USD), dự kiến phân bổ cho hoạt động đầu tư/tự doanh và mở rộng cho vay ký quỹ (margin), nhằm tăng năng lực tài chính và quy mô kinh doanh trong giai đoạn thị trường sôi động hơn. Về kết quả kinh doanh, lợi nhuận sau thuế quý IV/2025 đạt 740 tỷ đồng (khoảng 28 triệu USD), gấp đôi so với cùng kỳ. Diễn biến này cho thấy SSI tiếp tục hưởng lợi từ thanh khoản thị trường cải thiện, đồng thời tối ưu hiệu quả ở các mảng nguồn vốn – đầu tư và dịch vụ tài chính (margin).

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Tỷ giá USD/VND trên thị trường liên ngân hàng giảm mạnh 0,2% trong ngày, xuống còn 26.187, đây là mức thấp nhất kể từ đầu tháng 8/2025. So với đầu năm, đồng VND đã tăng giá ~0,4% so với USD, chủ yếu nhờ xu hướng suy yếu trên diện rộng của đồng USD toàn cầu.
- Tâm lý đối với USD tiếp tục xấu đi khi chỉ số USD Index (DXY) giảm xuống 97,2 điểm, mức thấp nhất trong khoảng năm tháng, trong khi giá vàng tăng vọt lên kỷ lục mới 5.093 USD/ounce. Đồng USD chịu áp lực từ các rủi ro địa chính trị và thương mại gia tăng, cùng với kỳ vọng ngày càng lớn rằng Tổng thống Donald Trump có thể sớm thay thế Chủ tịch Fed Jerome Powell bằng một ứng viên có quan điểm ôn hòa hơn. Ông Trump cũng cảnh báo khả năng áp thuế 100% đối với hàng hóa Canada nếu nước này tiến hành ký kết thỏa thuận thương mại với Trung Quốc. Thị trường đồng thời theo dõi sát căng thẳng giữa Mỹ và châu Âu liên quan đến Greenland, cũng như leo thang căng thẳng Mỹ-Iran, trong bối cảnh Washington gia tăng hiện diện quân sự tại Trung Đông.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,62	-0,1	11,6	11,1	54,9
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/ni)	5,58	104,4	32,9	238,2	18,7
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,43	0,8	-9,1	-9,9	53,2
USD/VND	26.135	0,2	0,6	0,6	-4,0
DXY	97,00	0,0	-1,0	-1,3	-9,6
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,22	0,2	2,3	1,3	-6,9
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,65	0,0	3,5	3,2	-13,9

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	5.085,20	0,1	12,3	17,1	85,7
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	60,86	0,4	7,3	6,0	-16,8
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	65,77	0,3	8,5	8,1	-14,7
Thép (USD/tấn)	467,6	0,0	0,2	0,0	-6,8
Thịt heo (USD/kg)	1,8	-1,0	10,1	1,7	-18,4
Gạo (USD/tấn)	495,5	-0,1	11,7	13,9	-24,5
Phân urea (USD/tấn)	386,0	3,1	12,7	12,7	6,5

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 19/01/2026	Trung Quốc	Các số liệu vĩ mô quý 4.2025 và tháng 12.2025
	EU	Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12.2025
Thứ Ba 20/01/2026	Trung Quốc	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 1.2026 của Ngân hàng TW Trung Quốc
Thứ Năm 22/01/2026	Mỹ	Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 11.2025

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.018	4,1	3.283	51.200	73.300	44,2%	1,1%	17,2	2,7	17%
AST	122	0,0	5	71.100	85.400	23,6%	3,5%	14,1	5,0	38%
HVN	3.066	1,6	653	25.750	43.400	71,0%	2,4%	8,6	14,3	
VJC	3.705	15,1	851	178.800	113.600	-35,9%	0,6%	61,5	4,3	8%
Bán lẻ										
BAF	421	3,5	193	36.150	37.200	2,9%		19,6	2,6	13%
DGW	383	3,3	104	45.200	49.600	10,8%	1,1%	18,7	3,0	17%
FRT	1.008	3,0	169	154.700	150.300	-2,6%	0,2%	42,7	8,5	25%
MCH	7.865	3,7	2.742	158.500	147.000	-6,0%	1,3%	29,4	12,9	44%
MWG	4.808	20,1	57	85.000	96.300	14,5%	1,2%	21,5	4,0	20%
PNJ	1.514	3,1	15	116.000	109.900	-4,4%	0,9%	17,6	3,3	21%
QNS	656	0,2	266	46.600	53.400	16,7%	2,1%	7,6	1,4	20%
SAB	2.432	3,3	1.012	49.550	59.900	24,9%	4,0%	15,0	2,8	18%
VHC	502	2,4	400	58.500	71.300	25,3%	3,4%	8,4	1,3	17%
VNM	5.414	14,5	2.696	67.700	74.800	14,7%	4,2%	18,2	4,1	24%
Tài chính										
ACB	4.855	9,8	68	24.700	31.300	30,2%	3,5%	7,3	1,4	20%
BID	14.131	9,5	1.789	52.600	47.200	-9,4%	0,9%	13,9	2,3	18%
CTG	11.367	18,9	496	38.250	49.000	28,9%	0,8%	8,9	1,8	22%
HDB	5.554	21,5	221	29.000	39.500	38,4%	2,2%	9,0	2,0	25%
LPB	4.801	3,7	203	42.000	33.400	-14,5%	6,0%	11,0	2,7	25%
MBB	8.167	25,5	114	26.500	32.900	26,0%	1,9%	8,8	1,7	21%
STB	4.465	24,1	711	61.900	45.700	-25,2%	1,0%	9,5	1,9	22%
TCB	9.476	16,6	0	34.950	40.300	18,2%	2,9%	9,8	1,5	16%
TPB	1.826	6,3	94	17.200	17.800	9,0%	5,5%	7,3	1,2	17%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản tháng (triệu USD)	TB 3 ngoài (triệu usd)	Room nước (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VCB	22.572	16,7	1.938	70.600	69.300	-1,2%	0,6%	16,8	2,6	17%	
VIB	2.266	4,1	1	17.400	23.600	39,2%	3,5%	7,8	1,3	18%	
VPB	8.439	23,1	417	27.800	37.100	35,3%	1,8%	9,2	1,3	15%	
Dệt may											
MSH	150	0,7	66	34.950	40.600	27,6%	11,4%	6,8	1,8	28%	
TCM	115	1,5	2	26.800	29.800	13,1%	1,9%	11,6	1,3	11%	
Khu công nghiệp											
BCM	2.657	1,8	854	67.100	68.600	3,7%	1,5%	18,9	3,2	18%	
GMD	1.074	3,9	115	65.800	72.000	12,5%	3,0%	21,5	2,2	12%	
HAH	367	5,0	84	56.800	55.400	-1,1%	1,4%	8,2	2,3	31%	
VSC	286	7,7	134	20.000	19.100	-2,0%	2,5%	16,5	1,4	9%	
IDC	659	4,0	238	45.400	45.600	3,7%	3,3%	8,9	2,7	32%	
KBC	1.220	6,0	461	33.850	30.000	-10,3%	1,1%	18,1	1,3	7%	
PHR	332	1,2	117	64.000	68.400	9,0%	2,1%	12,9	2,2	17%	
VTP	539	3,5	235	115.600	129.200	12,7%	0,9%	47,7	8,1	18%	
Tài nguyên cơ bản											
DGC	981	13,2	419	67.500	128.300	94,5%	4,4%	8,7	1,6	20%	
HPG	7.768	33,3	2.245	26.450	30.000	14,5%	1,1%	14,1	1,6	12%	
Dầu khí											
BSR	4.119	9,5	1.963	21.500	16.700	-20,3%	2,0%	52,0	1,9	4%	
GAS	10.645	6,8	4.975	115.300	78.400	-30,2%	1,8%	23,0	4,3	20%	
OIL	582	1,4	35	14.700	14.800	2,4%	1,7%	46,5	1,5	3%	
PLX	2.961	7,7	135	60.900	47.700	-19,7%	2,0%	31,1	3,0	10%	
PVD	623	9,6	239	29.300	32.600	19,8%	8,5%	18,2	1,0	6%	
PVS	798	9,0	270	40.800	41.800	4,1%	1,6%	14,4	1,5	11%	
PVT	370	3,1	142	20.550	23.400	15,0%	1,1%	9,8	1,2	12%	
Phân bón - Hóa chất											
DPM	606	4,0	279	23.300	22.700	1,1%	3,7%	20,5	1,4	7%	

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
DCM	725	3,0	329	35.800	40.000	17,3%	5,6%	10,9	1,8	17%
DDV	149	1,3	69	26.700	39.700	52,1%	3,4%	23,2	2,2	10%
PLC	107	0,4	51	34.600	34.100	0,0%	1,4%	23,5	2,1	9%
Điện										
POW	1.643	6,0	739	14.000	14.400	4,0%	1,2%	20,8	1,2	6%
Điện và BĐS										
HDG	365	2,7	113	25.750	37.400	46,8%	1,6%	27,4	1,5	5%
PC1	360	3,4	130	22.850	26.500			18,8	1,6	9%
REE	1.293	1,1	0	62.400	76.600	24,1%	1,4%	13,1	1,7	13%
Bất động sản										
DXG	638	9,9	168	15.000	18.300	35,3%	13,3%	36,8	1,2	3%
KDH	1.146	7,2	260	26.700	41.800	57,7%	1,1%	33,4	1,7	5%
NLG	521	3,0	103	28.050	42.200	52,1%	1,6%	14,6	1,2	9%
VHM	17.382	28,8	7.207	110.600	93.600			17,4	2,1	13%
VRE	2.687	13,9	970	30.900	32.000	7,0%	3,4%	10,9	1,5	14%
Công nghệ										
FPT	6.655	30,2	633	102.100	118.200	16,7%	1,0%	18,5	4,8	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA